CHẤN THƯƠNG MẠCH MÁU – VÊT THƯƠNG MẠCH MÁU

1. Tổn thương động mạch chi: Đ/S
2. Chiếm phần lớn các chấn thương và vết thương mạch nói chung
3. Vết thương chủ yếu do hỏa khí
4. Chấn thương ĐM chủ yếu do tai nạn giao thông
5. Hay gặp ở nam giới
6. Cấp cứu tốt nhất là trong:
7. 4h đầu
8. 6h đầu
9. 8h đầu
10. 12h đầu
11. Vết thương động mạch chi:
12. Chủ yếu gặp ở chi trên
13. Chủ yếu gặp ở chi dưới
14. Cả 2 chi như nhau
15. Chủ yếu là do hỏa khí
16. Vết thương động mạch chi đứt rời: Đ/S
17. Khó cầm máu
18. Khó băng ép
19. Khó phẫu thuật
20. Chi dưới tổn thương bị ngừng cấp máu hoàn toàn
21. Vết thương động mạch bên lớn: Đ/S
22. >1/3 chu vi mạch
23. Hay gặp
24. Chi dưới tổn thương vẫn được cung cấp máu nhờ bàng hệ
25. Máu chảy nhiều qua vết thương
26. Dễ cầm máu
27. Vết thương bên nhỏ động mạch: Đ/S
28. <1/2 chu vi mạch
29. Hay gặp
30. Có thể hình thành khối giả phồng
31. Hay bị bỏ sót nếu dòng máu vẫn lưu thông
32. Chấn thương động mạch chi: Đ/S
33. Chủ yếu gặp ở chi trên
34. Chủ yếu gặp ở chi dưới
35. Đa số do cơ chế gián tiếp
36. Đa số do vết thương trực tiếp
37. Vị tri hay xảy ra chấn thương động mạch chi là: TRỪ:
38. 1/3 trên xươn chày
39. 1/3 dưới xương đùi
40. Trật khuỷu
41. Gãy 1/3 dưới cẳng chân
42. Tổn thương mạch nào dễ bỏ sót: Đ/S
43. Vết thương bên nhỏ ĐM
44. Dập nát, đụng dập đoạn mạch
45. Đụng dập nhỏ cả 3 lớp của đoạn mạch ngắn
46. Đụng dập rất nhỏ ở 1/3 lớp của thành mạch
47. Gãy xương tì đè làm động mạch co thắt
48. Trên lâm sàng, lấy mốc thời gian thiếu máu có hồi phục là:
49. <6h
50. 6-24h
51. >24h
52. <12h
53. Chẩn đoán chấn thương động mạch, quan trong nhất là:
54. Lâm sàng
55. Doppler mạch
56. XN máu
57. Sinh hóa máu
58. Bệnh nhân vết thương động mạch cánh tay vào viện trong tình trạng huyết động ổn sau 3h, mạch quay mất, mất cảm giác mất vận động các ngón tay, sờ thấy lạnh. Chẩn đoán giai đoạn thiếu máu chi:
59. Hồi phục
60. Không hồi phục 1 phần
61. Không hồi phục hoàn toàn
62. Chưa chẩn đoán được
63. Dấu hiệu của thiếu máu chi không hồi phục hoàn toàn, trừ:
64. Phù nề đau bắp cơ
65. Cứng khớp
66. Mảng hoại tử tím
67. Phỏng nước
68. Biện pháp cầm máu được ưu tiên trong sơ cứu vêt thương động mạch là:
69. Garo chi
70. Băng ép
71. Mổ thắt ĐM cầm máu
72. Chèn gạc vào vết thương, khâu kín
73. Thuốc tốt nhất để chống đông trong vết thương ĐM là:
74. Aspirin
75. Kháng vitamin K
76. Heparin
77. Enoxaparin
78. Trong phẫu thuật Vết thương động mạch chi, điều nào sau đây đúng:
79. Khấu trực tiếp, thường phải ghép mạch
80. Khâu nối thần kinh sẽ để thực hiện sau
81. Hạn chế khâu kín da
82. Mở cân cơ phía dưới tổn thương trong mọi trường hợp
83. Chỉ định khi chi thiếu máu không hồi phục hoàn toàn:
84. Thắt động mạch
85. Nối lại động mạch kiểm tra lưu thông
86. Cắt cụt chi
87. Cả 3 đều sai
88. Sau mổ vết thương động mạch, thuốc dùng sau 24h nên là:
89. Heparin
90. Aspirin
91. Kháng sinh
92. Rối loạn mỡ máu
93. Biến chứng sau mổ VTĐM: chọn SAI
94. Bục miệng nối
95. Suy gan
96. Suy thận
97. Nhiễm trùng
98. Biến chứng suy thận cấp sau mổ vết thương động mạch thiếu máu chi nặng, xử trí thường dùng:
99. Thắt động mạch
100. Thắt động mạch, chống đông
101. Thắt động mạch, chống đông, nối thì 2
102. Cắt cụt chi
103. Sơ cứu chấn thương động mạch:
104. Cố định chi gãy
105. Hồi sức chống choáng
106. Kháng sinh SAT, chống đông khi không có CCĐ
107. Cả 3 đều đúng
108. Nguyên tắc điều trị trong Chấn thương động mạch: chọn SAI
109. Nên gây mê NKQ
110. Phải mổ cố định chi gãy trước
111. Rất hạn chế khâu kín da
112. Thường phải ghép đoạn mạch
113. Biến chứng hoại tử cơ, phần mềm sau Chấn thương độn mạch, xử trí nào đúng nhất:
114. Cắt cụt chi
115. Cắt lọc cơ, tổ chức hoại tử
116. Thắt động mạch, chống đông.
117. Mổ nối lại đoạn mạch